

Names and Faces

Position	Country	Name	Category	ID	Raw Score	Points
1	Mongolia	Naranzul Otgon-Ulaan (IGM)	Junior	J030	180	928
2	India	Vishvaa Rajakumar (IMM)	Adult	A048	158	814
3	Mongolia	Maral Namsrai (IGM)	Junior	J041	141	727
4	Mongolia	Ariuntungalag Suvdmaa	Junior	J022	125	644
5	Mongolia	Nomin Norovpel (IMM)	Adult	A053	123	634
6	Mongolia	Erdenegerel Ganzorig	Junior	J023	105	541
7	Mongolia	Lkhagvadorj Batbayar (IGM)	Adult	A055	100	515
8	Mongolia	Misheel Batzorig	Kid	K048	100	515
9	Mongolia	Myanganbayar Gantulga (IMM)	Adult	A052	97	500
10	Mongolia	Gegee Enkhbold	Junior	J036	96	495
11	Mongolia	Amina Odkhuu	Junior	J026	93	479
12	Australia	Guamaral Purevdavaa	Kid	K040	92	474
13	Mongolia	Bilguuntugs Elbegsaikhan (IMM)	Junior	J037	91	469
14	Mongolia	Emujin Zorigtbayar	Junior	J025	87	448
15	Mongolia	Ganchuluun Siilen	Kid	K047	86	443
16	Mongolia	Siilen Uuganbayar	Junior	J039	83	428
17	Mongolia	Purevjav Erdenesaikhan (IGM)	Adult	A054	82	423
18	Australia	Amirlangua Purevdavaa	Junior	J044	82	423
19	Mongolia	Gegeen-Oyun Munkhbat	Junior	J042	81	418
20	Algeria	Leila Naziha Hafsi	Adult	A042	80	412
21	Mongolia	Irmuun Odkhuu	Junior	J027	80	412
22	Mongolia	Enkhjin Narmandakh	Junior	J040	78	402
23	Mongolia	Erkhzaya Zaya (IGM)	Kid	K051	78	402
24	India	Neena Kalyan	Adult	A047	76	392
25	Mongolia	Urlee Purevgerel	Junior	J032	76	392
26	Algeria	Sarah Yasmine Hafsi	Adult	A043	75	387
27	Mongolia	Guanaran Narmandakh	Junior	J029	71	366
28	Mongolia	Enkhjin Enkhbayar	Junior	J028	70	361
29	Mongolia	Altantulga Erdenetungalag	Junior	J031	70	361
30	Mongolia	Selengemurun Batbayr (IMM)	Junior	J043	70	361
31	Australia	Maral Oyunbat	Junior	J021	67	345
32	Mongolia	Suld-Erdene Badrakhbayar	Kid	K054	67	345
33	China	Liwu Shen (IMM)	Adult	A046	66	340
34	Mongolia	Ankhiluun Lkhagvajav	Kid	K055	66	340
35	Mongolia	Azjargal Dechinravdan	Junior	J033	63	325

36	Australia	Urangoo Ulambayar	Junior	J020	62	320
37	Australia	Unurbold Byambadorj	Junior	J045	62	320
38	Mongolia	Bolormaa Chinzorigt	Junior	J034	58	299
39	Mongolia	Sondor Ganpurev	Kid	K053	58	299
40	Viet Nam	Nguyễn Tân Hưng	Adult	A038	54	278
41	Mongolia	Munkh-Orgil Sunduijantsan	Kid	K052	53	273
42	China	Shiyu Li (IMM)	Adult	A045	52	268
43	Mongolia	Enkh-Ujin Otgonbileg	Junior	J024	52	268
44	Mongolia	Maralmaa Gurvan-Erdene	Kid	K056	52	268
45	Korea	Sooyoung Paek	Adult	A057	51	263
46	Mongolia	Angarag Amartugs	Junior	J038	51	263
47	Viet Nam	Đặng Ngọc Phương Trinh	Adult	A040	47	242
48	Russia	Alina Kuliaeva	Junior	J046	41	211
49	Mongolia	Yesukhei Enkhbayar	Kid	K049	40	206
50	Philippines	Roberto Racasa	Adult	A056	39	201
51	Viet Nam	Tăng Nữ Hoài Ngân	Junior	J001	39	201
52	Mongolia	Lkhagvadorj Bayanmunkh	Kid	K046	37	191
53	Viet Nam	Thân Thị Kỹ Lại	Adult	A001	36	186
54	China	Qiyu Cang	Kid	K042	34	175
55	Malaysia	Ang Mui Hoon	Adult	A051	33	170
56	Mongolia	Setsen Enkhbold	Junior	J035	32	165
57	Mongolia	Amirlan Saruulbuyan	Kid	K057	32	165
58	Viet Nam	Lê Mạnh Đông	Adult	A041	30	155
59	Germany	Dr. Gunther Karsten (GMM)	Senior	S006	30	155
60	Viet Nam	Đặng Quang Hưng	Adult	A037	29	149
61	Australia	Temuulen Ulambayar	Kid	K039	29	149
62	Australia	Telmen Uugankhuu	Junior	J019	28	144
63	China	Shuyuan Huang	Kid	K041	27	139
64	Viet Nam	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Adult	A014	26	134
65	Viet Nam	Vũ Nguyễn Sara	Junior	J011	25	129
66	China	Sitong Yu	Kid	K043	25	129
67	Viet Nam	Bùi Đức Huy	Junior	J017	22	113
68	Viet Nam	Hoàng Thị Sen	Adult	A013	20	103
69	Russia	Gaiane Kuriatova	Adult	A058	20	103
70	Viet Nam	Đào Thuận Phát	Kid	K014	20	103
71	Viet Nam	Phạm Ngọc Tài	Junior	J007	19	98
72	Viet Nam	Hồ Nguyễn Thiên Phúc	Kid	K004	19	98

73	Viet Nam	Nguyễn Đình Phúc Nguyên	Kid	K013	19	98
74	Mongolia	Anirlan Khurelchuluun	Kid	K050	19	98
75	Viet Nam	Lê Thị Mỹ Vương	Adult	A006	18	93
76	Viet Nam	Hoàng Thị Vân	Adult	A017	18	93
77	Viet Nam	Phan Thanh Trúc	Adult	A005	17	88
78	Viet Nam	Huỳnh Thiện Long	Junior	J003	17	88
79	Viet Nam	Đàm Thảo Minh	Senior	S004	17	88
80	Viet Nam	Lê Việt Phương	Adult	A003	16	82
81	Viet Nam	Nguyễn Thanh Thuận	Adult	A018	16	82
82	Viet Nam	Nguyễn Thị Mai Phương	Adult	A030	16	82
83	Algeria	Meryem Yezza (IMM)	Adult	A044	16	82
84	Viet Nam	Trần Hoàng Minh Long	Junior	J002	16	82
85	Viet Nam	Nguyễn Đức Hoàng	Adult	A016	15	77
86	Viet Nam	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	Junior	J014	15	77
87	Viet Nam	Nguyễn Ngọc Phương Lam	Kid	K005	15	77
88	Viet Nam	Chu Ngọc Thắng	Adult	A010	14	72
89	Viet Nam	Vy Thị Ngân	Adult	A032	13	67
90	Malaysia	Lee Yi Xuen Celest	Junior	J047	13	67
91	Viet Nam	Huỳnh Thị Phương Uyên	Adult	A004	12	62
92	Algeria	Aroua Tebbiche	Junior	J018	12	62
93	Viet Nam	Hồ Hoàng Vũ	Adult	A023	10	52
94	Viet Nam	Ngô Thành Phát	Junior	J004	10	52
95	Viet Nam	Đặng Minh Quân	Junior	J013	10	52
96	Viet Nam	Nguyễn Thị Vân Hà	Adult	A021	9	46
97	Viet Nam	Lê Anh Thủy	Adult	A028	9	46
98	Viet Nam	Đinh Thị Hồng	Adult	A029	9	46
99	Viet Nam	Nguyễn Đức An Nhân	Kid	K012	9	46
100	Viet Nam	Võ Trần Long Nhi	Kid	K021	9	46
101	Viet Nam	Nguyễn Nữ Như Quỳnh	Adult	A007	8	41
102	Viet Nam	Nguyễn Tiến An	Adult	A011	8	41
103	Viet Nam	Lê Thị Kim Tánh	Adult	A025	8	41
104	Viet Nam	Nguyễn Văn Lực	Adult	A036	8	41
105	Viet Nam	Nghiêm Tuấn Nghĩa	Senior	S003	8	41
106	Viet Nam	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	Adult	A008	7	36
107	Viet Nam	Chu Thanh Vân	Adult	A020	7	36
108	Viet Nam	Lê Gia Bách	Junior	J012	7	36
109	Viet Nam	Đặng Lê Huy	Junior	J016	7	36

110	Viet Nam	Phan Thanh Dũng	Adult	A009	6	31
111	Viet Nam	Phan Thị Xuân Hằng	Adult	A022	5	26
112	Viet Nam	Vay Nguyễn Gia Thy	Junior	J010	5	26
113	Viet Nam	Vũ Thị Thái	Senior	S001	5	26
114	Viet Nam	Trần Ngọc Nhân	Adult	A012	4	21
115	Viet Nam	Trần Nhật Huy	Junior	J006	4	21
116	Viet Nam	Phạm Vĩnh Khang	Kid	K017	4	21
117	Viet Nam	Vũ Minh Châu	Kid	K024	4	21
118	Viet Nam	Khổng Gia Lâm	Kid	K036	4	21
119	Viet Nam	Đặng Lê Quốc Bảo	Junior	J015	3	15
120	Viet Nam	Nguyễn Hoàng Bách	Kid	K008	3	15
121	Viet Nam	Đặng Phú Gia	Adult	A026	2	10
122	Viet Nam	Trần Ngọc Bảo Trân	Junior	J009	1	5
123	Viet Nam	Hồ Gia Bách	Kid	K003	1	5
124	Viet Nam	Nguyễn Hồ Nhã Uyên	Kid	K027	1	5
125	Viet Nam	Lê Thiên An	Kid	K028	1	5
126	Viet Nam	Tạ Thị Ngọc Anh	Adult	A002	0	0
127	Viet Nam	Nguyễn Minh Quốc	Adult	A015	0	0
128	Viet Nam	Nguyễn Huyền	Adult	A019	0	0
129	Viet Nam	Nguyễn Phước Lộc	Adult	A024	0	0
130	Viet Nam	Hồ Diễm My	Adult	A027	0	0
131	Viet Nam	Nguyễn Thúc Anh	Adult	A031	0	0
132	Viet Nam	Phạm Thị Phương Trang	Adult	A033	0	0
133	Viet Nam	Đào Thị Châu Thành	Adult	A034	0	0
134	Viet Nam	Trần Thị Thùy Dương	Adult	A035	0	0
135	Viet Nam	Trương Vũ Luân	Adult	A039	0	0
136	Italy	Enrico Marraffa	Adult	A049	0	0
137	Kazakhstan	Yerzhan Mynzhanov	Adult	A050	0	0
138	Algeria	Abdelkader Ibrahim Rassine (IMM)	Adult	A059	0	0
139	Viet Nam	Nguyễn An Khang	Junior	J005	0	0
140	Viet Nam	Thái Doãn Bách	Junior	J008	0	0
141	Viet Nam	Trần Gia Huy	Kid	K001	0	0
142	Viet Nam	Đặng Nguyễn Hoàng Phát	Kid	K002	0	0
143	Viet Nam	Nguyễn Thái Dương	Kid	K006	0	0
144	Viet Nam	Lý Trần Minh Ánh	Kid	K007	0	0
145	Viet Nam	Nguyễn Đình Hoàng Minh	Kid	K009	0	0
146	Viet Nam	Vương Đình Phúc Hưng	Kid	K010	0	0

147	Viet Nam	Nguyễn Đình Đức Uy	Kid	K011	0	0
148	Viet Nam	Le Pham Minh Hoang	Kid	K015	0	0
149	Viet Nam	Lê Thanh Trí Đông	Kid	K016	0	0
150	Viet Nam	Nguyễn Đức Tuấn	Kid	K018	0	0
151	Viet Nam	Ngô Đức Hùng	Kid	K019	0	0
152	Viet Nam	Tạ Phúc Khang	Kid	K020	0	0
153	Viet Nam	Võ Trần Thiên Nhân	Kid	K022	0	0
154	Viet Nam	Trần Việt Hùng	Kid	K023	0	0
155	Viet Nam	Trần Minh Cát Tường	Kid	K025	0	0
156	Viet Nam	Trần Khánh Hưng	Kid	K026	0	0
157	Viet Nam	Nguyễn Phước Bảo	Kid	K029	0	0
158	Viet Nam	Nguyễn Huyền Ngọc	Kid	K030	0	0
159	Viet Nam	Lê Huỳnh Minh Khang	Kid	K031	0	0
160	Viet Nam	Tổng Khả Ái	Kid	K032	0	0
161	Viet Nam	Đặng Thị Tổ Quyên	Kid	K033	0	0
162	Viet Nam	Trần Việt Minh Anh	Kid	K034	0	0
163	Viet Nam	Đỗ Bội Linh	Kid	K035	0	0
164	Viet Nam	Phạm Đức Kiên	Kid	K037	0	0
165	Viet Nam	Giáp Minh Ngọc	Kid	K038	0	0
166	Czech	Lai Duc Duy Nguyen	Kid	K044	0	0
167	Germany	Alex Dinh	Kid	K045	0	0
168	Viet Nam	Võ Thị Thơi	Senior	S002	0	0
169	America	Tom Tran	Senior	S005	0	0